

ĐIỀU KIỆN XIN VISA F-1-5
DÀNH CHO CHA MẸ/ANH CHỊ EM RUỘT CỦA NGƯỜI KẾT HÔN ĐỊNH CƯ

Tổng Lãnh sự quán Hàn Quốc tại thành phố Hồ Chí Minh, 05/01/2026

PHÂN LOẠI		NỘI DUNG
Trình tự nhập cảnh		Đương sự được cấp visa F-1-5 tại Tổng LSQ hoặc ĐSQ Hàn Quốc ở Việt Nam (visa thăm thân, lưu trú 90 ngày) sau khi nhập cảnh có thể gia hạn thời gian lưu trú tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh.
Tư cách mời (phía Hàn Quốc)		- Người chồng/vợ gốc Hàn, người kết hôn định cư đã có quốc tịch Hàn, hoặc người người kết hôn định cư đang cư trú bằng thẻ vĩnh trú F-5. ※ Với gia đình đơn thân: Người kết hôn định cư chưa có quốc tịch Hàn hoặc chưa có thẻ vĩnh trú đã ly hôn đang nuôi con chung với chồng/vợ gốc Hàn
Lý do mời (mục đích hỗ trợ chăm cháu hoặc mời với lý do nhân đạo)		Ⓐ Nguyên tắc: Được mời cho đến cuối tháng 9 năm con tròn 9 tuổi Ⓑ Gia đình đơn thân / gia đình đa con (từ 3con trở lên): Được mời cho tới cuối tháng 9 năm con tròn 12 tuổi ☞ Ví dụ: lấy năm 2025 làm mốc xin visa, 1. Con sinh năm 2016 (đôi với gia đình đơn thân hoặc gia đình đa con là tính con sinh năm 2013): được mời đến cuối tháng 9 năm 2025 2. Con sinh năm 2015 (gia đình đơn thân hoặc gia đình đa con thì tính con sinh năm 2012): hết tư cách mời Ⓒ Trường hợp mời lý do nhân đạo: Vợ/ chồng/con cái của người mời bị bệnh nặng hoặc tàn tật nặng ** Trong phạm vi “con cái” thì, con riêng của người kết hôn định cư đã được người chồng/vợ Hàn Quốc nhận làm con nuôi trên cơ sở pháp lý hoặc là, con ruột của người kết hôn định cư đã lấy quốc tịch Hàn đều được công nhận (tuy nhiên, đối với trường hợp con là người nước ngoài thì giới hạn trong các trường hợp đang tiến hành các thủ tục nhập quốc tịch như: xin phép nhập quốc tịch, đăng ký nhập quốc tịch)
Số người được phép mời		Cha mẹ của người kết hôn định cư: 2 người Anh chị em ruột(chung hộ khẩu) của người kết hôn định cư: 1 người ※ Nếu đã mời F-1-5 anh chị em ruột thì không được mời cha mẹ, nếu đã mời F-1-5 cha mẹ thì không được mời anh chị em ruột.
Số lượt mời		Ⓐ Nguyên tắc: Mỗi con là 2 lượt mời ※ Nếu mời đồng thời cả cha và mẹ thì được tính là đã sử dụng luôn 2 lượt mời Ⓑ Đối với gia đình đơn thân hoặc gia đình đa con nếu con đủ điều kiện mời F15/ hoặc Ⓒ gia đình có lý do nhân đạo cần hỗ trợ: Không hạn chế số lần mời
Tư cách người được mời (Phía Việt Nam)	Nguyên tắc	Cha/ mẹ của người kết hôn định cư (có thể mời đồng thời và lưu trú đồng thời)
	Ngoại lệ	Anh chị em ruột hoặc con riêng của người kết hôn định cư đủ 19 tuổi trở lên ☞ Thỏa mãn tất cả các điều kiện dưới đây (ngoại trừ trường hợp có lý do nhân đạo đề cập bên trên): 1. Cha và mẹ đều có lý do bất khả kháng không thể nhập cảnh (đã qua đời, bệnh nặng như ung thư, cử động khó khăn), khuyết tật, trên 60 tuổi). 2. Các trường hợp được công nhận cần thiết phải nhập cảnh sau khi xem xét khả năng hỗ trợ chăm sóc trẻ của người được mời.
Thời gian lưu trú tối đa	Tính theo tuổi của con	Ⓐ Nguyên tắc: Đến cuối tháng 3 năm con tròn 10 tuổi Ⓑ Gia đình đơn thân hoặc gia đình đa con: Đến cuối tháng 3 năm con tròn 13 tuổi Ⓒ Gia đình có lý do nhân đạo: Cho đến khi hết lý do nhân đạo
	Tính theo ngày nhập cảnh	Tối đa 7 năm tính từ ngày nhập cảnh
Hạn chế cấp visa đối với các trường hợp vi phạm Luật Quản lý Xuất nhập cảnh		Người mời đã từng bị phạt tiền do tuyển dụng lao động bất hợp pháp hoặc đã từng nguy tạo hồ sơ mời giả hoặc người được mời khác (là người nhà ở Việt Nam) trước đây từng bị nhận lệnh xuất cảnh hoặc bị cưỡng chế xuất cảnh thì: Người mời bị hạn chế mời trong 5 năm tính từ ngày nộp phạt. (tuy nhiên, nếu có lý do nhân đạo thì bị hạn chế mời trong 1 năm) Người được mời trước đây đã từng bị nhận lệnh xuất cảnh, bị cưỡng chế xuất cảnh do làm việc bất hợp pháp thì bị hạn chế cấp visa trong vòng 5 năm tính từ ngày nộp phạt.
Các lưu ý		Mặc dù theo tiêu chuẩn như trên, nhưng nếu xét thấy việc lưu trú tại Hàn Quốc trong một thời hạn nhất định của người xin visa mà không phù hợp thì có thể bị từ chối cấp visa

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ VISA F-1-5

A/ B Trường hợp mục đích mời là hỗ trợ nuôi con

PHÂN LOẠI	THỨ TỰ	HỒ SƠ	CHÚ THÍCH
Hồ sơ cơ bản	1	- Đơn xin cấp Visa ※ Hộ chiếu ※ Hình quy cách Hộ chiếu (3.5×4.5cm) 1 tấm dán sẵn vào đơn ※ Lệ phí 30 đô la Mỹ hoặc tiền Việt Nam tương ứng	
Hồ sơ Hàn Quốc	2	○ Thư mời (bản gốc)	Đính kèm 2
	3	○ Thư bảo lãnh (bản gốc) (Ghi rõ thời gian bảo lãnh: 3 năm kể từ ngày nhập cảnh)	Đính kèm 2
	4	○ Giấy chứng nhận con dấu (hoặc Giấy chứng nhận chữ ký nếu là hồ sơ ký tên)	
	5	○ Giấy cam kết không lưu trú và làm việc bất hợp pháp	Đính kèm 3
	6	○ Giấy chứng nhận quan hệ hôn nhân (bản chi tiết)	
	7	○ Giấy chứng nhận quan hệ gia đình (bản chi tiết) - Nếu đang mang thai thì nộp thêm giấy xác nhận mang thai - Trường hợp tái hôn, hoặc đã nhận con nuôi, hoặc đã làm thủ tục nhận con thì nộp thêm giấy chứng minh quan hệ gia đình đứng tên của đứa con là đối tượng cần chăm sóc (nếu đứa con không phải là đối tượng cần chăm sóc thì không cần) - Gia đình đơn thân: nộp thêm giấy phán quyết của tòa án hoặc biên bản xét xử của tòa án có nội dung về quyền nuôi con và quyền đại diện pháp luật cho con - Nếu là con nuôi: nộp giấy tờ chứng minh quan hệ con nuôi (bản chi tiết) - Con là người nước ngoài: Nộp thêm giấy hẹn đồng ý nhập quốc tịch hoặc là giấy hẹn đang xin quốc tịch của con là đối tượng cần chăm sóc	
	8	○ Giấy chứng nhận cơ bản (bản chi tiết)	
	9	○ Giấy chứng nhận đăng ký cư trú (주민등록표(등본))	
	10	○ Giấy xác nhận đang đi học của con (chỉ nhận giấy xác nhận cấp tiểu học) ※ Chỉ cần nộp giấy xác nhận đang đi học của 1 con (là đối tượng cần chăm sóc)	
	11	Giấy tờ tùy thân người mời photô mặt trước/sau (Chứng minh nhân dân, bằng lái xe hoặc hộ chiếu)	
	12	Giấy tờ tùy thân của chồng/vợ người mời photô mặt trước/sau (Thẻ đăng ký người nước ngoài)	
Hồ sơ Việt Nam	13	○ Bản sao Giấy khai sinh của người kết hôn định cư (không cần dịch)	
	14	○ Xác nhận thông tin về cư trú (CT07) - là hồ sơ thể hiện rõ thông tin mối quan hệ các thành viên trong gia đình bao gồm cả người kết hôn định cư: Bản dịch tiếng Anh hoặc Hàn công chứng kèm bản gốc	
	15	○ CMND/CCCD photo mặt trước/sau (bấm vào trang có tên người xin visa trong hộ khẩu)	
	16	Giấy khám lao (cấp ở bệnh viện Tổng LSQ HQ chỉ định)	
	17	Người xin visa là anh chị em ruột/ con riêng của người kết hôn định cư thì nộp thêm: ○ Xác nhận thông tin về cư trú(CT07) (thể hiện tất cả các thành viên có quan hệ gia đình với người xin visa)(dịch tiếng Anh/ Hàn công chứng kèm bản gốc) ○ Bản sao Giấy khai sinh(không cần dịch)	
	18	Người xin visa là anh chị em ruột/con riêng của người kết hôn định cư đi chăm sóc cháu thay cha mẹ thì nộp thêm: ○ Giấy khám bệnh thể hiện cha mẹ đang bị bệnh nặng hoặc bị tàn tật nặng (chỉ chấp nhận giấy chẩn đoán bệnh của các bệnh viện công lập, bệnh viện Đại học, (chẳng hạn như BV Đại học Y Dược, ...), bệnh viện đa khoa cấp huyện trở lên: Bản dịch tiếng Anh hoặc Hàn công chứng kèm theo bản gốc ○ Nếu trường hợp không có giấy khám bệnh như trên thì phải có giấy tờ giải thích tình trạng liên quan như: đơn trình bày lý do, hay đơn giải thích về tình hình (nếu viết bằng tiếng Việt thì phải dịch tiếng Hàn hoặc Anh) ※ Yêu cầu hồ sơ trên không áp dụng với trường hợp cha mẹ qua đời hoặc trên 60 tuổi.	

【Lưu ý】:

- Tất cả hồ sơ chỉ được công nhận còn hiệu lực khi **được cấp trong vòng 3 tháng gần nhất** tính đến ngày nộp hồ sơ.
- Nếu người mời là người đang cư trú với thẻ F-5, thì phải nộp giấy chứng nhận quan hệ gia đình đứng tên người chồng/vợ Hàn Quốc
- Nếu người mời là gia đình đơn thân, thì phải nộp giấy chứng nhận quan hệ gia đình đứng tên tất cả các con, và giấy chứng nhận quan hệ hôn nhân của người chồng đã ly hôn bản **특정** (có thể xin ở Ủy ban phường nơi đang cư trú)
- Nếu chữ ký, con dấu trong thư mời, thư bảo lãnh và các giấy tờ khác không đồng nhất có thể bị từ chối visa.
- Trường hợp mời hai người cùng lúc, có thể nộp chung 1 bản hồ sơ trùng lặp
- Người xin visa có địa chỉ thường trú **không** nằm trong khu vực miền Nam (từ Gia Lai trở vào Nam), nếu muốn nộp hồ sơ tại TP.HCM, yêu cầu phải có hồ sơ chứng minh việc đã tạm trú tại khu vực miền Nam (từ Gia Lai trở vào Nam) 12 tháng trở lên (CT08/CT07) thể hiện rõ thời gian từ khi nào đến khi nào.

© Trường hợp xin visa nhập cảnh giúp đỡ gia đình có lý do nhân đạo (bệnh nặng hoặc tàn tật nặng)

PHÂN LOẠI	THỨ TỰ	HỒ SƠ	CHÚ GIẢI
Hồ sơ cơ bản	1	◦ Đơn xin Visa ※ Hộ Chiếu gốc ※ Hình quy cách Hộ chiếu (3.5×4.5cm) 1 tấm dán sẵn lên đơn ※ Lệ phí: 30 đô la Mỹ hoặc tiền Việt Nam tương ứng	
Hồ sơ Hàn Quốc	2	◦ Thư mời (bản gốc)	Đính kèm 1
	3	◦ Thư bảo lãnh (bản gốc) (Ghi rõ thời gian bảo lãnh: 3 năm kể từ ngày nhập cảnh)	Đính kèm 2
	4	◦ Giấy chứng nhận con dấu (hoặc Giấy chứng nhận chữ ký nếu là hồ sơ ký tên)	
	5	◦ Giấy cam kết không lưu trú và làm việc bất hợp pháp	Đính kèm 3
	6	◦ Giấy chứng nhận quan hệ hôn nhân (bản chỉ tiết)	
	7	◦ Giấy chứng nhận quan hệ gia đình (bản chỉ tiết) - Nếu đang mang thai thì nộp thêm giấy xác nhận mang thai - Trường hợp tái hôn, hoặc đã nhận con nuôi, hoặc đã làm thủ tục nhận con thì nộp thêm giấy chứng minh quan hệ gia đình đứng tên của đứa con là đối tượng cần chăm sóc (nếu đứa con không phải là đối tượng cần chăm sóc thì không cần) - Gia đình đơn thân: nộp thêm giấy phán quyết của tòa án hoặc biên bản xét xử của tòa án có nội dung về quyền nuôi con và quyền đại diện pháp luật cho con - Nếu là con nuôi: nộp giấy tờ chứng minh quan hệ con nuôi (bản chỉ tiết) - Con là người nước ngoài: Nộp thêm giấy hẹn đồng ý nhập quốc tịch hoặc là giấy hẹn đang xin quốc tịch của con là đối tượng cần chăm sóc	
	8	◦ Giấy chứng nhận cơ bản (bản chỉ tiết)	
	9	◦ Giấy chứng nhận đăng ký cư trú (주민등록표등본)	
	10	◦ Giấy tờ tùy thân người mời bản photo mặt trước/sau (Chứng minh nhân dân, bằng lái xe hoặc hộ chiếu)	
	11	◦ Giấy tờ tùy thân của chồng/vợ người mời photo mặt trước/sau (thẻ người nước ngoài)	
	12	<Trường hợp bệnh nặng> ◦ Biên lai hóa đơn y tế: Chỉ công nhận khi có chữ “bệnh nặng-중증질환”(bệnh nan y nặng khó chữa trị - 중증난치질환)” ghi rõ ở phía trên bên phải hoá đơn hoặc “bệnh đặc thù”(산정특례) được ghi rõ trong Giấy chẩn đoán bệnh	
	13	<Trường hợp khuyết tật> ◦ Giấy chứng nhận khuyết tật: Chỉ công nhận nếu các loại giấy chứng nhận khuyết tật có ghi rõ nội dung “khuyết tật nặng” hoặc “khuyết tật mức độ nặng”	
Hồ sơ Việt Nam	14	◦ Bản sao Giấy khai sinh của người kết hôn định cư (không cần dịch)	
	15	◦ Xác nhận thông tin về cư trú(CT07)- là hồ sơ thể hiện rõ thông tin mối quan hệ các thành viên trong gia đình bao gồm cả người kết hôn định cư: Bản dịch tiếng Anh hoặc Hàn công chứng kèm bản gốc	
	16	◦ CMND/CCCD bản photo (bấm vào trang có tên người xin visa trong hộ khẩu)	
	17	◦ Giấy khám lao (khám ở bệnh viện Tổng LSQ HQ chỉ định)	
	18	Người xin visa là anh chị em ruột hoặc con riêng của người kết hôn định cư thay cha mẹ thì nộp thêm: ◦ Xác nhận thông tin về cư trú(CT07) (thể hiện tất cả các thành viên có quan hệ gia đình với người xin visa) ※ Bản dịch tiếng Anh hoặc Hàn công chứng kèm bản gốc ◦ Bản sao Giấy khai sinh không cần dịch	

【Lưu ý】:

- ① Tất cả hồ sơ chỉ được công nhận còn hiệu lực khi được cấp trong vòng 3 tháng gần nhất tính đến ngày nộp hồ sơ.
- ② Nếu người mời là người đang cư trú với thẻ F-5, thì phải nộp giấy chứng nhận quan hệ gia đình đứng tên người chồng/vợ Hàn Quốc
- ③ Nếu người mời là gia đình đơn thân, thì phải nộp giấy chứng nhận quan hệ gia đình đứng tên tất cả các con, và giấy chứng nhận quan hệ hôn nhân của người chồng đã ly hôn bản 특정 (có thể xin ở Ủy ban phường nơi đang cư trú)
- ④ Nếu chữ ký, con dấu trong thư mời, thư bảo lãnh và các giấy tờ khác không đồng nhất có thể bị từ chối visa.
- ⑤ Trường hợp mời hai người cùng lúc, có thể nộp chung 1 bản hồ sơ trùng lặp
- ⑥ Người xin visa có địa chỉ thường trú không nằm trong khu vực miền Nam (từ Gia Lai trở vào Nam), nếu muốn nộp hồ sơ tại TP.HCM, yêu cầu phải có hồ sơ chứng minh việc đã tạm trú tại khu vực miền Nam (từ Gia Lai trở vào Nam) 12 tháng trở lên (CT08/CT07) thể hiện rõ thời gian từ khi nào đến khi nào.